

Bản án số: 728/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/ Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1363/2019/LHST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 155/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Bá H, sinh năm 1954

Bị đơn: Bà Bùi Thị Tố N, sinh năm 1959

Cùng thường trú: số 338/6 đường C, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Bùi Thị Tố N sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền số 1 cấp ngày 28/12/1983 và có một con chung tên Lê Thị Ngọc Bích, sinh ngày 11/11/1986.

Vợ chồng sống tại nhà cha mẹ số 338/6 đường C, Phường 4, Quận 3. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó ông phát hiện bản tính bà N thể hiện cái tôi quá lớn, không chịu nhường nhịn ai, lúc nào cũng cho mình là đúng. Từ đó xảy ra mâu thuẫn và cãi vã nhau, không chỉ riêng cãi với nhau mà còn với anh chị ruột của ông sống chung nhà. Hơn hai năm gần đây bà N tuyên bố với mọi người là chỉ sống để lo con và không màng gì tới tôi. Ông cảm nhận việc vợ chồng sống không có sự đồng cảm và có nguy cơ có xảy ra những sự xung đột không hay. Như mới đây bà N lấy dao trong bếp ra và đòi chém chết ông, thời gian sống bên nhau ông vì gia đình con cái nên luôn nhẫn nhịn và chịu đựng. Đến bây giờ ông hết chịu nổi vì sống trong gia đình của ông như một người

dưng thì ông làm sao chịu được. Nay cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông H về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và con chung.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ số 338/6 đường C, Phường 4, Quận 3 và sống hạnh phúc đến nay đã có 03 cháu ngoại hiện nay vẫn sống chung một nhà, bà không biết lý do tại sao ông H yêu cầu ly hôn bà. Ông H đi sớm về tối, chuyện mâu thuẫn không trầm trọng và vợ chồng không nói chuyện với nhau vì ông H đi làm từ 04 giờ sáng đến 11, 12 giờ đêm, bà bình ông H cũng không hỏi đến, vợ chồng có vài lần cãi nhau. Trong gia đình cũng biết vì lý do ông H dọn dẹp đồ của bà và bà không đồng ý dẫn đến cãi nhau. Bà biết ông H có người phụ nữ khác nên muốn ly hôn bà. Nhưng bà xác định hiện nay tình cảm bình thường, nhưng sống chung không còn quan hệ gì, chỉ mạnh ai nấy sống, bà có nấu cơm nhưng ông H không ăn, đi làm về không đưa tiền phụ giúp chỉ đưa tiền điện nước của gia đình khoảng 300.000 đồng hàng tháng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H và yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn như trong đơn khởi kiện và bị đơn không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật.

- Đối với nội dung vụ án: Nguyên nhân ly hôn của ông H là bản tính bà N thể hiện cái tôi quá lớn, không chịu nhường nhịn ai, lúc nào cũng cho mình là đúng, không nhẹ nhàng tế nhị trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong cách đối xử với gia đình chồng thì bà N làm tròn trách nhiệm dâu con. Mặt khác, do tính chất công việc là nhân viên bảo vệ nên ông H thường đi làm từ rất sớm khoảng 3, 4 giờ sáng và 11, 12 giờ đêm mới về nên không có những bữa cơm cùng gia đình, cũng không có sự quan tâm, hỏi han hay chia sẻ đối với bà N. Từ khi bà N lấy ông H đến nay thì ở nhà cha mẹ chồng, phụng dưỡng cha mẹ và nhà chồng nếu ly hôn thì buộc bà N phải ra khỏi nhà, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân không có nên điều này sẽ thiệt thòi cho bà N, hiện tại bà N tuổi cũng đã cao và cũng không có yêu cầu ly hôn. Nhận thấy, đây cũng có phần lỗi của hai bên do không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà N là phụ nữ nhưng không nhẹ nhàng, tế nhị trong cách ứng xử còn ông H đi từ sớm về khuya không chăm lo cho gia đình, hiện hai bên vẫn sống chung một nhà. Mặt khác, tại bản lấy lời khai thể hiện anh chị em chồng là bà Lê Thị Thanh Đào, bà Lê Thị Kim Lý, ông

Lê Trung Thành và con chung là bà Bích đều mong muốn hai bên cho nhau cơ hội đoàn tụ nên xét còn khả năng vận động hòa giải đoàn tụ. Xét mẫu thuẫn của ông H và bà N chưa đến mức trầm trọng, còn khả năng hàn gắn nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lê Bá H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn và cả hai có nơi cư trú tại Quận 3, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 148 quyền số 1 cấp ngày 28/12/1983 của Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Xét ông H yêu cầu ly hôn với bà N vì cho rằng khi chung sống bà N bản tính thể hiện cái tôi quá lớn, không chịu nhường nhịn ai, ông cảm nhận việc sống chung không có sự đồng cảm và có nguy cơ có xảy ra những sự xung đột không hay và mâu thuẫn giữa hai người không thể hàn gắn, tình cảm không còn nhưng tại phiên tòa ông H không chứng minh được rõ vấn đề mâu thuẫn như trên.

Xét lời trình bày của bà N tại phiên tòa bà N tha thiết được đoàn tụ vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là có, nhưng chỉ là những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống không đến mức trầm trọng, nay cả hai cũng lớn tuổi bà cũng chỉ muốn sống chung để tiện việc chăm sóc cho chồng và giúp đỡ cho con cháu.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong cuộc sống chung, cả hai cũng đã có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ xảy ra trong nội bộ gia đình và do vợ chồng lớn tuổi cái tôi mỗi người đều lớn nên cũng chưa hóa giải được hết các gút mắc trong đời sống. Tại phiên tòa hôm nay bà N có nguyện vọng đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm với ông H và sẽ sửa đổi tính tình theo hướng tích cực hơn để gia đình hòa thuận. Ngoài ra, xét tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 các ông bà Lê Thị Anh Đ, Lê Thị Kim L, Lê Trung Th là các anh chị em ruột cùng chung nhà với ông H cũng có ý kiến vợ chồng ông H bà N có mâu thuẫn nhưng trong cách đối xử với gia đình chồng thì bà N làm tròn trách nhiệm dâu con và yêu cầu Tòa cho vợ chồng một cơ hội đoàn tụ. Và tại bản tự khai thì con gái ruột của hai đương sự cũng mong muốn ba mẹ sống chung để có thể chăm sóc cho hai người.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, hoàn toàn có khả năng khắc phục được nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] *Về án phí:*

Nguyên đơn là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn nộp tiền án phí, án phí nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lê Bá H đối với bà Bùi Thị Tố N.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Huệ Chi